NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

TÌM HIỂU VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA HỨNG THÚ CHỦ ĐỀ ĐẾN KHẢ NĂNG ĐỌC HIỂU TIẾNG ANH CỦA HỌC SINH

MAI THỊ LOAN*

TÓM TẮT: Nghiên cứu này nhằm khảo sát ảnh hưởng của hứng thú chủ đề đến khả năng đọc hiểu tiếng Anh của học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh dạy và học tiếng Anh như một ngoại ngữ tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng thiết kế bán thực nghiệm kết hợp phương pháp hỗn hợp với sự tham gia của 46 học sinh lớp 10, được chia thành nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Dữ liệu được thu thập thông qua bài kiểm tra đọc hiểu trước và sau thực nghiệm, bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc. Dữ liệu định lượng được phân tích bằng thống kê mô tả và kiểm định t, trong khi dữ liệu định tính được phân tích theo phương pháp phân tích chủ đề. Kết quả cho thấy nhóm học sinh được tiếp cận với các văn bản phù hợp với hứng thú chủ đề đạt kết quả đọc hiểu cao hơn đáng kể so với nhóm đối chứng. Ngoài ra, học sinh nhận thức rằng hứng thú chủ đề góp phần cải thiện khả năng hiểu bài, tăng sự tập trung và động lực đọc. Những phát hiện này khẳng định vai trò quan trọng của hứng thú chủ đề trong việc hỗ trợ đọc hiểu ngoại ngữ và cung cấp hàm ý sư phạm cho việc lựa chọn tài liệu đọc trong giảng dạy tiếng Anh.

TỪ KHÓA: Hứng thú chủ đề; đọc hiểu; động lực đọc; bán thực nghiệm; đối chứng.

NHẬN BÀI: 27/06/2026. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 07/11/2026

1. Đặt vấn đề

Đọc hiểu chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, trong đó hứng thú chủ đề là một yếu tố động lực đáng chú ý. Schiefele (1991) nhấn mạnh mối liên hệ giữa hứng thú với mức độ hiểu sâu văn bản, việc sử dụng chiến lược học tập và trải nghiệm cảm xúc trong quá trình học. Về phương diện thực nghiệm, Asher et al. (1978) cho thấy học sinh hiểu tốt hơn những văn bản có chủ đề mà các em quan tâm. Ainley et al. (2002) làm rõ mối liên hệ giữa hứng thú chủ đề, phản ứng cảm xúc, sự kiên trì và kết quả học tập từ văn bản. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu về mối quan hệ giữa hứng thú chủ đề và đọc hiểu chưa hoàn toàn nhất quán. Sadeghpour (2013) không tìm thấy ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê của hứng thú chủ đề đối với khả năng nhớ lại nội dung tức thời và trì hoãn ở người học tiếng Anh trình độ nâng cao. Trong khi đó, Venneker et al. (2026) ghi nhận học sinh trả lời chính xác hơn các câu hỏi đọc hiểu tường minh và suy luận khi đọc văn bản có chủ đề được các em quan tâm. Khi kiểm soát kiến thức về chủ đề và kiến thức cụ thể về văn bản, mối liên hệ giữa hứng thú chủ đề và độ chính xác của câu trả lời cho các câu hỏi suy luận không còn có ý nghĩa thống kê. Tại Việt Nam, Nguyen et al. (2026) ghi nhận điểm đọc hiểu của học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội tăng sau can thiệp sử dụng các chủ đề phù hợp với mối quan tâm của người học. Dù vậy, do nghiên cứu không có nhóm đối chứng, chưa thể khẳng định sự cải thiện này hoàn toàn xuất phát từ hứng thú chủ đề. Xuất phát từ khoảng trống này, nghiên cứu hiện tại sử dụng thiết kế bán thực nghiệm kết hợp phương pháp hỗn hợp nhằm so sánh kết quả đọc hiểu giữa nhóm thực nghiệm, được tiếp cận với các văn bản có chủ đề phù hợp với sở thích của học sinh, và nhóm đối chứng, đọc các văn bản thông thường. Bên cạnh việc đánh giá kết quả đọc hiểu, nghiên cứu còn tìm hiểu nhận thức và trải nghiệm của học sinh về vai trò của hứng thú chủ đề trong quá trình đọc.

**TS; Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Quốc gia Hà Nội; Email: loandhnn2015@gmail.com*

2. Tổng quan và cơ sở lí thuyết

Hứng thú là một yếu tố động lực gắn với nội dung cụ thể, bao gồm hai thành tố: cảm xúc tích cực, thể hiện qua sự thích thú và cuốn hút, và giá trị cá nhân mà người học gắn với một đối tượng hoặc lĩnh vực (Schiefele, 1991). Trong hoạt động đọc, hứng thú chủ đề thể hiện mức độ quan tâm của người đọc đối với chủ đề văn bản. Theo Ainley và cộng sự (2002), hứng thú chủ đề chịu ảnh hưởng của cả đặc điểm cá nhân và nội dung văn bản, đồng thời có mối liên hệ với phản ứng cảm xúc, sự kiên trì và kết quả học tập từ văn bản.

Đọc hiểu là một quá trình nhận thức phức hợp, trong đó người đọc kết nối thông tin trong văn bản với kiến thức nền để xây dựng sự hiểu biết mạch lạc về nội dung được đọc (Venneker et al., 2026). Trong nghiên cứu về hứng thú chủ đề và các cấp độ hiểu văn bản, Schiefele (1992) đề cập đến những biểu hiện khác nhau của quá trình đọc hiểu, từ ghi nhớ thông tin đến xử lí và tích hợp nội dung văn bản. Bên cạnh các quá trình nhận thức, yếu tố động lực cũng có vai trò trong việc định hướng sự chú ý, nỗ lực và mức độ tham gia của người đọc. Hứng thú chủ đề có mối liên hệ với phản ứng cảm xúc và sự kiên trì khi đọc, qua đó có thể hỗ trợ quá trình hiểu văn bản (Ainley et al., 2002; Schiefele, 1992).

Nhiều nghiên cứu đã ghi nhận mối liên hệ tích cực giữa hứng thú chủ đề và kết quả đọc hiểu. Asher và cộng sự (1978) cho thấy học sinh đọc hiểu tốt hơn với những văn bản có chủ đề phù hợp với sở thích của mình. Tương tự, Schiefele (1992) ghi nhận ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê của hứng thú chủ đề, đặc biệt đối với các câu hỏi yêu cầu hiểu sâu. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu chưa hoàn toàn đồng nhất. Sadeghpour (2013) không tìm thấy ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê của hứng thú chủ đề đối với khả năng nhớ lại nội dung văn bản ở cả hai thời điểm kiểm tra. Sự khác biệt này cho thấy mối quan hệ giữa hứng thú chủ đề và kết quả đọc cần được tiếp tục kiểm chứng trong các bối cảnh và nhóm người học khác nhau.

Tại Việt Nam, Nguyen và Dang (2022) nghiên cứu việc áp dụng phương pháp tiếp cận dựa trên văn bản trong dạy đọc tiếng Anh, trong khi Nguyen và cộng sự (2026) trực tiếp khảo sát hứng thú chủ đề và khả năng đọc hiểu của học sinh trung học phổ thông tại Hà Nội. Nghiên cứu năm 2026 ghi nhận sự cải thiện kết quả đọc sau can thiệp sử dụng các chủ đề có mức độ hứng thú cao. Tuy nhiên, do không có nhóm đối chứng, nghiên cứu chưa thể xác định chắc chắn mức độ cải thiện là do hứng thú chủ đề. Bên cạnh đó, Nguyen và Dang (2022) tập trung vào phương pháp dạy đọc, chứ không trực tiếp kiểm định hứng thú chủ đề như một biến nghiên cứu.

Như vậy, cần có thêm nghiên cứu so sánh trực tiếp kết quả đọc hiểu giữa học sinh sử dụng văn bản phù hợp với hứng thú chủ đề và học sinh sử dụng văn bản đọc thông thường trong bối cảnh dạy học tiếng Anh ở trường trung học phổ thông Việt Nam. Xuất phát từ khoảng trống này, nghiên cứu hiện tại khảo sát vai trò của hứng thú chủ đề đối với kết quả đọc hiểu tiếng Anh của học sinh lớp 10 tại một trường trung học phổ thông ở Việt Nam. Cụ thể, nghiên cứu so sánh kết quả đọc hiểu của hai nhóm học sinh tiếp cận hai loại văn bản, đồng thời sử dụng dữ liệu khảo sát và phỏng vấn để tìm hiểu nhận thức và trải nghiệm của các em.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp dữ liệu định lượng và định tính theo thiết kế bán thực nghiệm nhằm khảo sát ảnh hưởng của hứng thú chủ đề đến khả năng đọc hiểu tiếng Anh của học sinh. Nghiên cứu có sự tham gia của 46 học sinh lớp 10 chuyên Anh tại một trường trung học phổ thông chuyên. Ban đầu, 50 học sinh được dự kiến tham gia, nhưng chỉ có 46 học sinh hoàn thành đầy đủ các hoạt động và công cụ thu thập dữ liệu. Người tham gia được chia thành hai nhóm, gồm nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng, mỗi nhóm 23 học sinh. Nhóm thực nghiệm được tiếp cận với các văn bản đọc có chủ đề phù hợp với hứng thú của học sinh, trong khi nhóm đối chứng sử dụng các văn bản đọc thông thường theo kế hoạch giảng dạy.

Dữ liệu được thu thập thông qua ba công cụ chính: bài kiểm tra đọc hiểu, bảng khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc. Hai bài kiểm tra đọc hiểu trước và sau thực nghiệm được sử dụng để đánh giá sự thay đổi về năng lực đọc hiểu của học sinh. Mỗi bài gồm hai văn bản đọc phù hợp với chương trình

tiếng Anh lớp 10 chuyên Anh, kèm các câu hỏi đánh giá khả năng xác định ý chính, tìm thông tin chi tiết, suy luận và hiểu nghĩa từ hoặc cụm từ trong ngữ cảnh. Mỗi bài kiểm tra kéo dài 40 phút. Hai bài được thiết kế theo cùng cấu trúc và định hướng đánh giá nhằm phục vụ việc so sánh kết quả trước và sau thực nghiệm.

Bảng khảo sát được thực hiện một lần trước thực nghiệm nhằm xác định mức độ hứng thú của học sinh đối với các chủ đề đọc và làm căn cứ lựa chọn văn bản cho nhóm thực nghiệm. Bảng hỏi gồm ba nội dung: (1) mức độ hứng thú đối với các chủ đề đọc, đo bằng thang Likert 5 mức độ; (2) mức độ quan tâm đối với các văn bản được sử dụng trong nghiên cứu; và (3) nhận thức của học sinh về vai trò của hứng thú chủ đề đối với quá trình đọc hiểu. Bảng hỏi được xây dựng dựa trên cơ sở lí thuyết về hứng thú của Schiefele (1991) và được thử nghiệm với 5 học sinh nhằm điều chỉnh cách diễn đạt, bảo đảm các câu hỏi rõ ràng, dễ hiểu.

Phỏng vấn bán cấu trúc được thực hiện với 6 học sinh được lựa chọn có chủ đích dựa vào kết quả bài kiểm tra nhằm tìm hiểu sâu hơn trải nghiệm và nhận thức của các em về vai trò của hứng thú chủ đề trong hoạt động đọc. Nội dung phỏng vấn tập trung vào mức độ yêu thích các chủ đề đọc, trải nghiệm khi đọc những văn bản phù hợp hoặc không phù hợp với sở thích cá nhân, cũng như cảm nhận về ảnh hưởng của hứng thú đến sự tập trung, khả năng hiểu bài và động lực đọc. Bộ câu hỏi phỏng vấn được thử nghiệm với 2 học sinh trước khi sử dụng chính thức. Các cuộc phỏng vấn được tiến hành bằng tiếng Việt, kéo dài khoảng 15-20 phút, được ghi âm và chuyển thành văn bản phục vụ phân tích.

Quá trình thu thập dữ liệu được tiến hành theo trình tự: học sinh thực hiện bài kiểm tra đọc hiểu đầu vào; tiếp đó, bảng khảo sát được triển khai để xác định mức độ hứng thú đối với các chủ đề đọc; căn cứ vào kết quả khảo sát, nhóm thực nghiệm được tiếp cận với các văn bản phù hợp với hứng thú chủ đề, trong khi nhóm đối chứng tiếp tục sử dụng các văn bản đọc thông thường. Sau giai đoạn thực nghiệm, cả hai nhóm thực hiện bài kiểm tra đầu ra. Cuối cùng, 6 học sinh được phỏng vấn nhằm bổ sung thông tin về nhận thức và trải nghiệm của người học.

Dữ liệu định lượng được xử lí bằng phần mềm thống kê. Thống kê mô tả, gồm giá trị trung bình và độ lệch chuẩn, được sử dụng để phân tích mức độ hứng thú của học sinh đối với các chủ đề đọc. Hệ số Cronbach's Alpha được tính toán để đánh giá độ nhất quán nội tại của các nhóm mục hỏi cùng đo lường một nội dung. Đối với kết quả bài kiểm tra, kiểm định independent-samples t-test được sử dụng để so sánh kết quả giữa hai nhóm, trong khi paired-samples t-test được sử dụng để đánh giá sự thay đổi kết quả trước và sau thực nghiệm trong từng nhóm.

Dữ liệu phỏng vấn được phân tích theo phương pháp phân tích chủ đề của Braun và Clarke (2006). Quá trình phân tích gồm đọc nhiều lần bản ghi phỏng vấn, mã hóa dữ liệu, tìm kiếm và rà soát các chủ đề, xác định và đặt tên chủ đề, sau đó diễn giải và trình bày kết quả. Cuối cùng, dữ liệu định lượng và định tính được đối chiếu, tổng hợp nhằm làm rõ kết quả đọc hiểu và bổ sung cách lí giải từ nhận thức, trải nghiệm của học sinh.

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Mức độ hứng thú của học sinh đối với các chủ đề đọc tiếng Anh

Để xác định mức độ hứng thú của học sinh đối với các chủ đề đọc tiếng Anh, dữ liệu từ 46 bảng câu hỏi hợp lệ được phân tích bằng thống kê mô tả. Học sinh đánh giá mức độ hứng thú đối với từng chủ đề theo thang Likert 5 mức, từ 1 (hoàn toàn không hứng thú) đến 5 (rất hứng thú). Giá trị trung bình (Mean) và độ lệch chuẩn (SD) được sử dụng để xác định mức độ hứng thú và mức độ phân tán trong phản hồi của học sinh. Các giá trị trung bình được diễn giải theo năm mức độ như trình bày trong Bảng 1.

***Bảng 1**. Phân loại mức độ hứng thú theo giá trị trung bình*

Khoảng giá trị trung bình	Mức độ hứng thú
4,21 - 5,00	Rất cao
3,41 - 4,20	Cao
2,61 - 3,40	Trung bình

1,81 - 2,60	Thấp
1,00 - 1,80	Rất thấp

Kết quả khảo sát được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. *Mức độ hứng thú của học sinh đối với các chủ đề đọc tiếng Anh (N = 46)*

Chủ đề	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức độ hứng thú	Thứ hạng
Công nghệ	4,12	0,68	Cao	1
Giáo dục	3,95	0,72	Cao	2
Văn hóa	3,84	0,75	Cao	3
Môi trường	3,41	0,81	Cao	4
Khoa học	3,26	0,88	Trung bình	5

Kết quả cho thấy công nghệ là chủ đề có mức độ hứng thú cao nhất (M = 4,12, SD = 0,68), tiếp theo là giáo dục (M = 3,95, SD = 0,72) và văn hóa (M = 3,84, SD = 0,75). Trong khi đó, môi trường đạt mức hứng thú 3,41 (SD = 0,81), còn khoa học có giá trị trung bình thấp nhất (M = 3,26, SD = 0,88). Như vậy, mức độ hứng thú của học sinh đối với các chủ đề được khảo sát dao động từ trung bình đến cao, trong đó công nghệ, giáo dục và văn hóa là ba chủ đề được quan tâm nhiều nhất.

Để làm rõ những khác biệt này, dữ liệu phỏng vấn bán cấu trúc với sáu học sinh lớp 10 chuyên Anh được phân tích theo phương pháp phân tích chủ đề của Braun và Clarke (2006). Kết quả cho thấy các ý kiến phỏng vấn nhìn chung phù hợp với xu hướng thể hiện trong dữ liệu khảo sát. Cụ thể, hai học sinh S1 và S5 đều bày tỏ sự yêu thích đối với chủ đề công nghệ. S1 cho biết: "*Em thích đọc các bài về công nghệ vì em thấy nó gần gũi với cuộc sống và dễ hiểu hơn"*, trong khi S5 chia sẻ: "*Em thích đọc các bài về công nghệ vì em có thể học được nhiều điều mới*". Những ý kiến này gợi ý rằng tính gần gũi với đời sống và khả năng cung cấp kiến thức mới có thể là những yếu tố khiến chủ đề công nghệ trở nên hấp dẫn đối với học sinh. Bên cạnh đó, giáo dục và văn hóa cũng nhận được sự quan tâm tích cực. S2 cho rằng các bài đọc về giáo dục thú vị vì "*nó liên quan đến việc học của em*", trong khi S3 thích các bài đọc về văn hóa vì "*em muốn biết về các nước khác*". Ngược lại, S4 nhận xét rằng các bài đọc về khoa học khó hơn nên em không thích bằng những chủ đề khác; S6 cũng cho biết em không thích các bài đọc về môi trường vì cảm thấy nội dung hơi khó hiểu.

Những phát hiện định tính này góp phần giải thích sự khác biệt về mức độ hứng thú thể hiện trong Bảng 2. Đáng chú ý, các chủ đề được học sinh quan tâm nhiều hơn thường có mối liên hệ rõ ràng với trải nghiệm cá nhân, hoạt động học tập hoặc nhu cầu tìm hiểu thế giới xung quanh. Ngược lại, cảm nhận về độ khó của nội dung có thể làm giảm sự hấp dẫn của một số chủ đề.

Kết quả này phù hợp với quan điểm của Schiefele (1991), người xem hứng thú là một đặc điểm động cơ đặc thù theo nội dung và chỉ ra mối liên hệ giữa hứng thú với trải nghiệm cảm xúc, chiến lược học tập và độ sâu của đọc hiểu. Kết quả cũng tương đồng với Ainley, Hidi và Berndorff (2002), theo đó hứng thú chủ đề có liên hệ với phản ứng cảm xúc, sự kiên trì và kết quả học tập từ văn bản. Trong nghiên cứu hiện tại, các phản hồi của học sinh cho thấy sự gần gũi, tính hữu ích và cảm nhận về độ khó có thể là những yếu tố góp phần định hình mức độ quan tâm đối với từng chủ đề đọc.

Như vậy, kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy mức độ hứng thú của học sinh có sự khác biệt về giá trị trung bình giữa các chủ đề, đồng thời gợi ý vai trò của trải nghiệm cá nhân và cảm nhận về nội dung trong việc hình thành sự quan tâm của người học. Đây là cơ sở thực tiễn để lựa chọn các văn bản đọc phù hợp với hứng thú của học sinh trong giai đoạn thực nghiệm tiếp theo.

4.2. Sự khác biệt về kết quả đọc hiểu giữa nhóm học sinh được tiếp cận với văn bản phù hợp với hứng thú chủ đề và nhóm sử dụng văn bản đọc thông thường

Để đánh giá ảnh hưởng của việc lựa chọn văn bản phù hợp với hứng thú chủ đề đến kết quả đọc hiểu, điểm kiểm tra trước và sau thực nghiệm của hai nhóm học sinh được phân tích bằng thống kê mô tả, kiểm định independent-samples t-test và paired-samples t-test. Kết quả so sánh điểm kiểm tra đầu vào được trình bày trong Bảng 3.

Bảng 3. *So sánh điểm bài kiểm tra đầu vào giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng*

Nhóm	N	Mean	SD	t	p
Thực nghiệm	23	6,21	0,84		
Đối chứng	23	6,18	0,81	0,12	.904

Kết quả cho thấy điểm trung bình đầu vào của nhóm thực nghiệm (M = 6,21, SD = 0,84) gần tương đương với nhóm đối chứng (M = 6,18, SD = 0,81). Kiểm định independent-samples t-test không cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai nhóm (t = 0,12, p = .904 > .05). Điều này cho thấy hai nhóm có mức năng lực đọc hiểu ban đầu tương đối tương đương, tạo cơ sở để xem xét sự khác biệt về kết quả sau thực nghiệm.

Tiếp theo, điểm kiểm tra đầu vào và đầu ra của nhóm thực nghiệm được so sánh bằng kiểm định paired-samples t-test. Kết quả được trình bày trong Bảng 4.

Bảng 4. *So sánh điểm bài kiểm tra đầu vào và bài kiểm tra đầu ra của nhóm thực nghiệm*

Bài kiểm tra	N	Mean	SD	t	df	p
Đầu vào	23	6,21	0,84			
Đầu ra	23	7,48	0,79	6,32	22	.000

Kết quả cho thấy điểm trung bình của nhóm thực nghiệm tăng từ 6,21 (SD = 0,84) trước thực nghiệm lên 7,48 (SD = 0,79) sau thực nghiệm, tương ứng với mức tăng 1,27 điểm. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê (t(22) = 6,32, p < .001), cho thấy học sinh trong nhóm thực nghiệm đạt kết quả đọc hiểu cao hơn sau giai đoạn được tiếp cận với các văn bản phù hợp với hứng thú chủ đề.

Để xác định sự khác biệt về kết quả giữa hai nhóm sau thực nghiệm, điểm kiểm tra đầu ra được tiếp tục so sánh bằng kiểm định independent-samples t-test. Kết quả được trình bày trong Bảng 5.

Bảng 5. *So sánh điểm bài kiểm tra đầu ra giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng*

Nhóm	N	Mean	SD	t	p
Thực nghiệm	23	7,48	0,79		
Đối chứng	23	6,72	0,83	3,21	.003

Kết quả cho thấy nhóm thực nghiệm đạt điểm trung bình đầu ra là 7,48 (SD = 0,79), cao hơn nhóm đối chứng với điểm trung bình 6,72 (SD = 0,83). Sự khác biệt giữa hai nhóm có ý nghĩa thống kê (t = 3,21, p = .003 < .05). Kết quả này cho thấy sau thực nghiệm, nhóm học sinh được tiếp cận với các văn bản phù hợp với hứng thú chủ đề đạt kết quả đọc hiểu tốt hơn nhóm sử dụng các văn bản đọc thông thường.

Có thể giải thích kết quả trên từ đặc điểm lựa chọn văn bản trong hai nhóm. Dựa trên kết quả khảo sát ở Bảng 2, nhóm thực nghiệm được tiếp cận với các văn bản thuộc những chủ đề có mức độ hứng thú cao hơn, đặc biệt là công nghệ, giáo dục và văn hóa. Trong khi đó, nhóm đối chứng tiếp tục sử dụng các văn bản đọc thông thường theo chương trình học, không được lựa chọn dựa trên mức độ hứng thú chủ đề của học sinh. Như vậy, sự khác biệt trong lựa chọn nội dung đọc tạo ra hai điều kiện học tập khác nhau, trong đó nhóm thực nghiệm có cơ hội tiếp cận với những nội dung gần gũi hơn với mối quan tâm cá nhân.

Dữ liệu phỏng vấn với sáu học sinh trong nhóm thực nghiệm cung cấp thêm thông tin về trải nghiệm đọc trong điều kiện này. Kết quả phân tích cho thấy học sinh thường đề cập đến ba khía cạnh chính: khả năng hiểu văn bản, hiệu quả xử lí thông tin và mức độ thuận lợi khi thực hiện nhiệm vụ đọc. Chẳng hạn, S1 cho biết: "*Em thấy dễ hiểu hơn khi đọc các bài về công nghệ so với các bài trong sách giáo khoa*." S2 chia sẻ: "*Em hiểu bài nhanh hơn khi đọc các chủ đề em thích so với các bài bình thường.*" Tương tự, S3 cho biết em không phải đọc lại nhiều khi văn bản thuộc chủ đề mình quan tâm. Trong khi đó, S5 nhận xét rằng việc đọc các chủ đề yêu thích giúp em hiểu bài tốt hơn, còn S6 cho biết em làm bài đọc nhanh hơn khi chủ đề phù hợp với sở thích. Đáng chú ý, S4 nhận xét: "*Các bài đọc thông thường khó hiểu hơn vì em không hứng thú*". Ý kiến này cho thấy sự thiếu hứng thú có thể làm giảm mức độ sẵn sàng tham gia vào hoạt động đọc, theo cảm nhận của người học. Tuy nhiên,

các ý kiến phỏng vấn cần được xem là bằng chứng bổ trợ phản ánh trải nghiệm của sáu học sinh, không phải phép đo trực tiếp về năng lực đọc hiểu của toàn bộ nhóm thực nghiệm.

Nhìn chung, kết quả kiểm tra và phỏng vấn cho thấy sự tương đồng nhất định giữa kết quả học tập và trải nghiệm đọc của học sinh. Phát hiện này có thể được lí giải từ quan điểm của Schiefele (1991), theo đó hứng thú có mối liên hệ với động lực học tập, việc sử dụng chiến lược học tập và mức độ xử lí sâu thông tin. Khi nội dung đọc gắn với mối quan tâm cá nhân, học sinh có thể có động lực và sự chủ động cao hơn trong quá trình đọc. Mặc dù vậy, do nghiên cứu được thực hiện theo thiết kế bán thực nghiệm với số lượng người tham gia còn hạn chế, kết quả cần được diễn giải trong phạm vi bối cảnh nghiên cứu. Sự khác biệt về điểm kiểm tra đầu ra cung cấp bằng chứng về lợi ích tiềm năng của việc lựa chọn văn bản theo hứng thú chủ đề, nhưng chưa đủ cơ sở để khẳng định đây là yếu tố duy nhất tạo nên sự khác biệt về kết quả đọc hiểu.

4.3. Nhận thức của học sinh về vai trò của hứng thú chủ đề đối với khả năng đọc hiểu tiếng Anh

Để tìm hiểu nhận thức của học sinh về vai trò của hứng thú chủ đề đối với quá trình đọc hiểu, dữ liệu từ 46 bảng câu hỏi được phân tích thông qua giá trị trung bình và độ lệch chuẩn. Các phát biểu được thiết kế theo thang Likert 5 mức, từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý). Kết quả được trình bày trong Bảng 6.

Bảng 6. *Nhận thức của học sinh về vai trò của hứng thú chủ đề đối với đọc hiểu tiếng Anh (N = 46)*

Phát biểu	Mean	SD	Mức độ đồng ý
Tôi hiểu bài đọc dễ hơn khi chủ đề phù hợp với sở thích của mình	4,28	0,69	Rất cao
Tôi đọc nhanh hơn khi chủ đề bài đọc khiến tôi hứng thú	4,15	0,73	Cao
Tôi tập trung tốt hơn khi đọc các bài có chủ đề tôi quan tâm	4,22	0,71	Rất cao
Tôi nhớ thông tin tốt hơn khi chủ đề bài đọc hấp dẫn đối với tôi	4,09	0,76	Cao
Tôi có động lực đọc hơn khi bài đọc thuộc chủ đề tôi thích	4,34	0,65	Rất cao

Kết quả cho thấy học sinh nhìn chung có mức độ đồng ý cao đến rất cao đối với các phát biểu về vai trò của hứng thú chủ đề trong quá trình đọc hiểu. Trong đó, phát biểu về động lực đọc có giá trị trung bình cao nhất (M = 4,34, SD = 0,65), tiếp theo là khả năng hiểu bài (M = 4,28, SD = 0,69) và khả năng tập trung (M = 4,22, SD = 0,71). Hai khía cạnh còn lại là tốc độ đọc (M = 4,15, SD = 0,73) và khả năng ghi nhớ thông tin (M = 4,09, SD = 0,76) cũng nhận được mức độ đồng ý cao. Độ lệch chuẩn dao động từ 0,65 đến 0,76, cho thấy mức độ phân tán trong phản hồi của học sinh tương đối thấp.

Những kết quả này gợi ý rằng học sinh không chỉ nhận thấy hứng thú chủ đề có liên quan đến khả năng hiểu nội dung văn bản mà còn đánh giá cao vai trò của yếu tố này đối với động lực và sự tập trung khi đọc. Đặc biệt, động lực đọc có giá trị trung bình cao nhất, cho thấy đây là khía cạnh được học sinh cảm nhận rõ nhất khi tiếp cận với các chủ đề phù hợp với sở thích.

Kết quả phỏng vấn bán cấu trúc với sáu học sinh tiếp tục làm rõ những nhận thức này. Qua phân tích chủ đề, các ý kiến của học sinh tập trung vào các khía cạnh: hỗ trợ hiểu bài, tăng tốc độ đọc, cải thiện sự tập trung, hỗ trợ ghi nhớ và thúc đẩy động lực đọc. S1 cho biết: "*Khi em thích chủ đề đó, em thấy dễ hiểu bài hơn*." S2 chia sẻ: "*Em đọc nhanh hơn khi bài đọc là chủ đề em thích*", trong khi S3 nhận xét: "*Em tập trung hơn khi em thấy chủ đề thú vị*". Những ý kiến này phản ánh nhận thức của học sinh về mối liên hệ giữa hứng thú chủ đề với khả năng hiểu và mức độ tập trung trong quá trình đọc. Bên cạnh đó, S4 cho rằng: "*Em nhớ nội dung lâu hơn khi em thấy chủ đề hấp dẫn*", còn S5 nhấn mạnh: "*Em có động lực đọc hơn khi bài đọc là chủ đề em quan tâm*". Ngược lại, S6 cho biết: "*Khi em*

không thích chủ đề, em thấy khó hiểu hơn". Những chia sẻ này cho thấy học sinh cũng nhận thức được những khó khăn có thể xuất hiện khi nội dung đọc không phù hợp với mối quan tâm cá nhân.

Đối chiếu kết quả khảo sát và phỏng vấn cho thấy sự tương đồng giữa hai nguồn dữ liệu, đặc biệt ở các khía cạnh động lực đọc, khả năng hiểu bài và sự tập trung. Những phát hiện này có thể được lí giải từ quan điểm của Schiefele (1991), theo đó hứng thú có mối liên hệ với động lực học tập, việc sử dụng chiến lược học tập và quá trình xử lí thông tin. Tương tự, Ainley, Hidi và Berndorff (2002) nhấn mạnh mối liên hệ giữa hứng thú chủ đề, phản ứng cảm xúc, sự kiên trì và quá trình học tập. Những nghiên cứu này góp phần lí giải vì sao học sinh có thể cảm thấy tích cực và chủ động hơn khi đọc các văn bản phù hợp với mối quan tâm cá nhân.

Tuy nhiên, kết quả khảo sát và phỏng vấn chủ yếu phản ánh nhận thức và trải nghiệm tự báo cáo của học sinh, chứ không phải kết quả đo lường trực tiếp về tốc độ đọc, khả năng tập trung hay ghi nhớ. Khi được xem xét cùng kết quả kiểm tra đọc hiểu ở mục 4.2, những dữ liệu này cung cấp thêm góc nhìn về trải nghiệm học tập của học sinh, đồng thời gợi ý rằng việc lựa chọn văn bản phù hợp với hứng thú chủ đề có thể góp phần thúc đẩy động lực và sự tham gia vào hoạt động đọc. Vì vậy, việc cân nhắc sở thích và mối quan tâm của học sinh khi lựa chọn tài liệu đọc là một định hướng sư phạm đáng chú ý trong dạy học tiếng Anh.

5. Kết luận

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát ảnh hưởng của hứng thú đối với chủ đề đọc đến khả năng đọc hiểu tiếng Anh của học sinh trung học phổ thông trong bối cảnh tiếng Anh được học như một ngoại ngữ tại Việt Nam. Nghiên cứu tập trung xác định mức độ hứng thú của học sinh đối với các chủ đề đọc khác nhau, so sánh kết quả đọc hiểu giữa học sinh được tiếp cận với các văn bản phù hợp với hứng thú chủ đề và học sinh được tiếp cận với các văn bản đọc thông thường, đồng thời khám phá nhận thức của học sinh về vai trò của hứng thú chủ đề trong quá trình đọc hiểu. Nghiên cứu sử dụng thiết kế bán thực nghiệm kết hợp với phương pháp hỗn hợp, với sự tham gia của 46 học sinh lớp 10 tại một trường trung học phổ thông ở Việt Nam, gồm nhóm thực nghiệm (n = 23) và nhóm đối chứng (n = 23). Dữ liệu được thu thập thông qua bài kiểm tra đọc hiểu trước và sau thực nghiệm, bảng khảo sát và phỏng vấn bán cấu trúc. Kết quả nghiên cứu cho thấy học sinh có mức độ hứng thú từ trung bình đến cao đối với các chủ đề đọc tiếng Anh, trong đó công nghệ, giáo dục và văn hóa là những chủ đề được quan tâm nhiều nhất, còn khoa học là chủ đề ít được quan tâm hơn. Kết quả thực nghiệm cũng cho thấy học sinh được tiếp cận với các văn bản phù hợp với hứng thú chủ đề đạt kết quả đọc hiểu cao hơn đáng kể so với học sinh đọc các văn bản thông thường. Nhóm thực nghiệm không chỉ đạt điểm bài kiểm tra sau thực nghiệm cao hơn mà còn có mức tiến bộ lớn hơn so với nhóm đối chứng. Ngoài ra, dữ liệu từ bảng khảo sát và phỏng vấn cho thấy học sinh nhận thức rõ vai trò tích cực của hứng thú chủ đề đối với động lực đọc, khả năng hiểu bài, sự tập trung và khả năng ghi nhớ thông tin. Những kết quả này cho thấy hứng thú chủ đề là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến khả năng đọc hiểu tiếng Anh của học sinh. Từ đó, nghiên cứu đề xuất rằng giáo viên cần cân nhắc mức độ hứng thú của học sinh khi lựa chọn tài liệu đọc và nên sử dụng các văn bản gần gũi với trải nghiệm, sở thích của người học nhằm tăng động lực và nâng cao hiệu quả đọc hiểu. Đồng thời, giáo viên cũng có thể tạo cơ hội cho học sinh tham gia lựa chọn chủ đề đọc để tăng cường động lực học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ainley, M. D., Hidi, S., & Berndorff, D. (2002), Interest, learning, and the psychological processes that mediate their relationship. *Journal of Educational Psychology, 94*(3), 545-561. https://doi.org/10.1037/0022-0663.94.3.545.
2. Alderson, J. C. (2000), *Assessing reading*. Cambridge University Press.
3. Asher, S. R., Hymel, S., & Wigfield, A. (1978), Influence of topic interest on children's reading comprehension. *Journal of Reading Behavior, 10*(1), 35-47.
4. Braun, V., & Clarke, V. (2006), Using thematic analysis in psychology. *Qualitative Research in Psychology, 3(2)*, 77-101. https://doi.org/10.1191/1478088706qp063oa.

5. Grabe, W., & Stoller, F. L. (2002), *Teaching and researching reading*. Pearson Education Longman.
6. Hudson, T. (2007), *Teaching second language reading*. Oxford University Press.
7. Nguyen, H. H., Do, P. A., & Tran, P. A. (2026). Topic interest in reading comprehension: A study among upper-secondary-school learners in public schools in Hanoi. *TNU Journal of Science and Technology, 231*(12), 165–172. https://doi.org/10.34238/tnu-jst.14289.
8. Nguyen, V. L., & Dang, T. K. T. (2022), Engaging EFL learners in reading: A text-driven approach to improve reading performance. *Teaching English as a Second Language Electronic Journal (TESL-EJ), 26*(2). https://doi.org/10.55593/ej.26102a5.
9. Sadeghpour, M. (2013), The impact of topic interest on second language reading comprehension. *International Journal of Linguistics, 5*(4), 133-145. https://doi.org/10.5296/ijl.v5i4.3981.
10. Schiefele, U. (1991), Interest, learning, and motivation. *Educational Psychologist, 26*(3–4), 299–323. https://doi.org/10.1080/00461520.1991.9653136.
11. Schiefele, U. (1992), Topic interest and levels of text comprehension. In K. A. Renninger, S. Hidi, & A. Krapp (Eds.), *The role of interest in learning and development* (pp.151-182). Lawrence Erlbaum Associates.
12. Venneker, D., Helder, A., & van den Broek, P. (2026), The effect of topic interest on children's understanding of informational texts. *Discourse Processes, 63*(6-7), 572-596. https://doi.org/10.1080/0163853X.2026.2697679.

Exploring the impact of topic interest on students' English reading comprehension

Abstract: This study aims to investigate the effects of topic interest on the English reading comprehension of high school students in the context of English as a Foreign Language (EFL) teaching and learning in Vietnam. The study employed a quasi-experimental design within a mixed-methods approach, involving 46 tenth-grade students who were divided into an experimental group and a control group. Data were collected through pre- and post-experimental reading comprehension tests, a questionnaire, and semi-structured interviews. Quantitative data were analysed using descriptive statistics and t-tests, while qualitative data were analysed using thematic analysis. The results revealed that students who were exposed to reading texts aligned with their topic interests achieved significantly higher reading comprehension scores than those in the control group. Furthermore, students perceived topic interest as contributing to improved text comprehension, increased concentration, and enhanced reading motivation. These findings highlight the important role of topic interest in supporting foreign language reading comprehension and provide pedagogical implications for the selection of reading materials in English language teaching.

Key words: Topic interest; reading comprehension; reading motivation; quasi-experimental; control group.